

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ CÔNG
THỰC HIỆN TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NAM**

(kèm theo Thông báo số: 1112 /TB-STC ngày 12 tháng 4 năm 2023
của Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam)

STT	Danh mục TTHC thuộc các lĩnh vực	Mã số Danh mục thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính
1	2	3	4
		I. Lĩnh vực Quản lý ngân sách (Tin học-Thống kê)	
1	1	2.002206.000.00.00.H47	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.
		II. Lĩnh vực Quản lý công sản	
2	1	2.002173.000.00.00.H47	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội.
3	2	1.006216.000.00.00.H47	Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
4	3	1.005431.000.00.00.H47	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết.
5	4	1.005430.000.00.00.H47	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê.
6	5	1.005429.000.00.00.H47	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công.
7	6	1.005420.000.00.00.H47	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả

			lại tài sản cho Nhà nước.
8	7	1.005421.000.00.00.H47	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
9	8	1.005422.000.00.00.H47	Quyết định điều chuyển tài sản công.
10	9	1.006218.000.00.00.H47	Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước.
11	10	1.006219.000.00.00.H47	Thủ tục chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên.
12	11	1.006220.000.00.00.H47	Thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu.
13	12	1.005432.000.00.00.H47	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc.
14	13	1.005433.000.00.00.H47	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án.
15	14	1.005416.000.00.00.H47	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư.
16	15	1.005417.000.00.00.H47	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
17		1.005418.000.00.00.H47	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công

	16		trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.
18	17	1.005423.000.00.00.H47	Quyết định bán tài sản công.
19	18	1.005424.000.00.00.H47	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.
20	19	1.005425.000.00.00.H47	Quyết định hủy bỏ Quyết định bán đấu giá tài sản công.
21	20	1.005426.000.00.00.H47	Quyết định thanh lý tài sản công.
22	21	1.005427.000.00.00.H47	Quyết định tiêu hủy tài sản công.
23	22	1.005428.000.00.00.H47	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
		III. Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp	
24	1	1.007623.000.00.00.H47	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương.
25	2	1.007614.000.00.00.H47	Thủ tục lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá.
		IV. Lĩnh vực quản lý Giá	
26	1	1.006241.000.00.00.H47	Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh.
27	2	2.002217.000.00.00.H47	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh.

